

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Đất đai số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số: 401/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông nối đường Ninh- Nhân-Hải đến đường Xóm Thắng đi đường Thanh niên, huyện Quảng Xương;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ);

Căn cứ Thông báo số 49/TB-UBND ngày 05/9/2025 của UBND xã Quảng Ninh về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường giao thông nối đường Ninh- Nhân- Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể là cơ sở tính tiền bồi thường, GPMB khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông nối đường Ninh- Nhân- Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Tờ trình số: 120/TTr-HĐGPMB ngày 21/7/2026 của Hội đồng BT, HT và TĐC dự án Đường giao thông nối đường Ninh- Nhân- Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị phê duyệt phương án, dự toán hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Đường giao thông nối đường Ninh- Nhân- Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 239/TTr-KT ngày 03/08/2026 về việc phê duyệt đề nghị phê duyệt phương án, dự toán hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Đường giao thông nối đường Ninh- Nhân- Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa cụ thể như sau:

1. Phương án, dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

a. Diện tích đất thu hồi là: 4.443,3 m². Trong đó:

- Đất thu hồi do UBND xã quản lý: 3.122,0m²

- Đất thu hồi của hộ gia đình cá nhân là: 1.321,3m²

b. Đối tượng có đất bị thu hồi phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng: 21 hộ gia đình, cá nhân;

c. Phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 01 hộ gia đình, cá nhân.

d. Phương án hỗ trợ ổn định đời sống: Không.

đ. Phương án bố trí tái định cư: không có hộ gia đình, cá nhân phải bố trí tái định cư;

e. Phương án di dời mồ, mả: Không;

f. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không;

g. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là: 190.716.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

Trong đó:

+ Bồi thường về đất cho các hộ gia đình cá nhân là: 59.464.000 đồng;

+ Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc là: 0 đồng

+ Bồi thường về cây cối, hoa màu: 0 đồng

+ Hỗ trợ chuyển chỗ ở là: 0 đồng

+ Hỗ trợ thuê nhà ở, ổn định đời sống là: 0 đồng

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là: 118.062.000 đồng

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là: 9.450.000 đồng

+ Hỗ trợ khác là: 0 đồng

+ Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và thẩm định dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng là: 3.740.000 đồng;

h. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ: trong quý 3- 4 năm 2026.

i. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi: Theo khoản 2, điều 2 của Quyết định.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai) và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất (bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ).

(Có phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

Căn cứ Điều 1 của Quyết định này các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm sau:

1. Hội đồng BT,HT&TĐC dự án đầu tư đường giao thông nội đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa:

- Phối hợp với Trưởng thôn nơi có đất phải bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thực hiện các công việc:

Giao quyết định này đến từng hộ gia đình, cá nhân có tên ở Điều 2 (có biên bản giao nhận cụ thể), trường hợp tổ chức, hộ gia đình cá nhân có đất bị thu hồi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản cụ thể;

Công khai, dán niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở UBND xã và các Nhà văn hóa thôn nơi có đất bị thu hồi.

- Chủ trì phối hợp với phòng Kinh tế tiến hành rà soát toàn bộ thành phần hồ sơ, số liệu kiểm kê, trình tự, thủ tục liên quan đến nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định này, đảm bảo đúng, đủ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Bố trí kinh phí để chi trả kịp thời cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất phải bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ này được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các hộ và quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ dự án đúng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế.

- Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và các nội dung khác có liên quan, đảm bảo tuân thủ đúng, đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hướng dẫn người có đất bị thu hồi hoàn thiện các thủ tục có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng các thôn.

- Phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB thực hiện niêm yết công khai Quyết định này tại Nhà văn hoá các thôn đảm bảo đúng quy định.

- Tuyên truyền, thông tin rộng rãi trên loa phát thanh của thôn, thông báo tại các buổi sinh hoạt thôn để nhân dân trên địa bàn thôn nắm bắt đầy đủ các thông tin, nội dung liên quan dự án, đồng thời thực hiện tốt công tác bàn giao mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt.

4. Người có đất bị thu hồi.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã Quảng Ninh thực hiện đúng, đủ các nội dung đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án.

- Phối hợp với Hội đồng GPMB để nhận kinh phí bồi thường, hoàn thiện các thủ tục bồi thường hỗ trợ theo quy định.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công: Đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử xã Quảng Ninh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế; Hội đồng BT, HT & TĐC dự án đầu tư đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thắng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa, Trưởng các thôn, các hộ gia đình, cá nhân người có đất bị thu hồi, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (nếu có); Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; các hộ gia đình, cá nhân có tên ở Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VT, KT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Tài

PHỤ LỤC

Phương án, dự toán bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải (xã Quảng Ninh) đến Xóm Thẳng đi đường Thanh Niên (xã Lưu Vệ), tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh)

TT	Họ tên, chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất thu hồi			Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích ảnh hưởng (m ²)	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Bồi thường về đất (VN đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (VN đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (VN đồng)	Hỗ trợ khác (VN đồng)	Kinh phí khác (VN đồng)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (VN đồng)
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích nguyên thửa (m ²)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10+11+12+13+14
A	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ													
1	Nguyễn Quốc Cường	7	183	1387	2,5		9,5	LUC	428.000					428.000
		7	255	1148,9	2,4			LUC						
		11	62	1420,7	2,3			LUC						
		11	19	1508,1	2,3			LUC						
2	Lê Thị Căn	7	91	562,8	23,6		23,6	LUC	1.062.000	2.124.000	-			3.186.000
3	Nguyễn Viết Hùng	7	116	993,1	39,1		39,1	LUC	1.760.000	3.519.000	-			5.279.000
4	Lê Văn Đại	7	142	1894,5	48,5		83,5	LUC	3.758.000	7.515.000	-			11.273.000
		7	269	656,6	35			LUC						
5	Lê Văn Thành	7	169	911,3	41,6		41,6	LUC	1.872.000	3.744.000	-			5.616.000

6	Lê Văn Tường	7	168	620,6	30,3		30,3	LUC	1.364.000	2.727.000	-			4.091.000
7	Lê Văn Sự	7	184	886	41,7		41,7	LUC	1.877.000	3.753.000	-			5.630.000
8	Đỗ Ngọc Trà	7	222	785,5	36,6		36,6	LUC	1.647.000	3.294.000	-			4.941.000
9	Phạm Văn Chính	7	254	446,4	22,9		22,9	LUC	1.031.000	2.061.000	-			3.092.000
10	Đỗ Thị Thế	7	287	1394,4	71		71,0	LUC	3.195.000	6.390.000	-			9.585.000
11	Lê Văn Thắng	7	297	1353,4	61,9		122,4	LUC	5.508.000	11.016.000				16.524.000
		11	10	1407,7	60,5			LUC						
12	Nguyễn Viết Trung	11	52	971,1	44,7		44,7	LUC	2.012.000	4.023.000	-			6.035.000
13	Nguyễn Viết Kiên	11	51	469,3	23,3		23,3	LUC	1.049.000	2.097.000	-			3.146.000
14	Lê Công Lâm	11	63	808	37,9		37,9	LUC	1.706.000	3.411.000	-			5.117.000
15	Lê Công Hoàng	11	90	1337,7	66,7		66,7	LUC	3.002.000	6.003.000	-			9.005.000
16	Lê Văn Ngọt	11	91	1130,4	5,1		5,1	LUC	230.000	459.000	-			689.000
17	Đoàn Công Lực	18	411	593,5	6,2		6,2	LUC	279.000	558.000	-			837.000
18	Nguyễn Ngọc Hoàn	18	341	599,9	0,2		0,2	LUC	9.000	18.000	-			27.000
19	Nguyễn Xuân Tài	18	342	1161,1	589,2		589,2	LUC	26.514.000	53.028.000	9.450.000			88.992.000
20	Đoàn Công Tâm	18	335	581,7	6,2		6,2	LUC	279.000	558.000	-			837.000
21	Đới Sỹ Hệnh	18	343	750,1	19,6		19,6	LUC	882.000	1.764.000	-			2.646.000
22	UBND xã	7	45	6349,5	53,5		53,5	DGT	-	-	-	-	-	-

23	UBND xã	7	256	4630,6	1177,6		1.177,6	DGT	-	-	-	-	-	-
24	UBND xã	7	126	1226,2	504,7		504,7	LUC	-	-	-	-	-	-
25	UBND xã	7	289	574,3	153,3		153,3	DGT	-	-	-	-	-	-
26	UBND xã	7	56	270,2	7,5		7,5	DGT	-	-	-	-	-	-
27	UBND xã	7	208	528,3	3,7		3,7	DGT	-	-	-	-	-	-
28	UBND xã	7	268	93,4	5,9		5,9	CLN	-	-	-	-	-	-
29	UBND xã	7	223	678,3	35,4		35,4	LUC	-	-	-	-	-	-
30	UBND xã	7	296	13,6	11,9		11,9	DGT	-	-	-	-	-	-
31	UBND xã	7	253	556,8	31,8		31,8	LUC	-	-	-	-	-	-
32	UBND xã	11	132	11545,8	34		34,0	DGT	-	-	-	-	-	-
33	UBND xã	11	20	150,4	136		136,0	DTL	-	-	-	-	-	-
34	UBND xã	11	148	293,6	2,3		2,3	DTL	-	-	-	-	-	-
35	UBND xã	11	66	3433,4	563,3		563,3	DGT	-	-	-	-	-	-
36	UBND xã	11	101	413,1	393,7		393,7	DTL	-	-	-	-	-	-
37	UBND xã	11	127	519,9	2,3		2,3	LUC	-	-	-	-	-	-
38	UBND xã	18	447	354,9	4,2		4,2	DGT	-	-	-	-	-	-
39	UBND xã	18	438	195,4	0,9		0,9	LUC	-	-	-	-	-	-
	Cộng						4.443,3		59.464.000	118.062.000	9.450.000	0	0	186.976.000

